

Số: 40/NQ-HĐND

Thạch Bình, ngày 04 tháng 01 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về việc phê duyệt dự toán thu - chi ngân sách năm 2024

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ THẠCH BÌNH
KHÓA XXI KỲ HỌP THỨ 10

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 20/12/2023 của HĐND thành phố về nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 3437/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND thành phố Về việc giao dự toán thu chi ngân sách năm 2024 cho UBND xã Thạch Bình;

Xem xét Tờ trình số: 125/TTr-UBND ngày 29/12/2023 của UBND xã về phân bổ dự toán thu chi ngân sách năm 2024, Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến thảo luận của các Đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự toán thu - chi ngân sách năm 2024 như sau:

1. Tổng thu ngân sách trên địa bàn: 49.457 triệu đồng

Trong đó:

- Thu NSNN trên địa bàn theo chỉ tiêu kế hoạch giao: 44.287 triệu đồng
- Thu ngân sách xã được hưởng: 6.012 triệu đồng
 - + Thuế, phí, lệ phí: 842 triệu đồng
 - + Tiền đất, thuê đất: 0 đồng
 - + Bổ sung cân đối: 5.170 triệu đồng

2. Tổng chi ngân sách xã: 6.012 triệu đồng

Trong đó:

- + Chi đầu tư phát triển: 0 đồng
- + Chi thường xuyên: 5.872 triệu đồng
- + Chi dự phòng: 140 triệu đồng

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân xã đồng ý với các biện pháp tổ chức thực hiện thu ngân sách, điều hành chi ngân sách năm 2024 như Ủy ban nhân dân đã trình, đồng thời cần tập trung một số nội dung chủ yếu như sau:

- Tập trung đồng bộ, hiệu quả, quyết liệt các giải pháp để hoàn thành và vượt kế hoạch của Hội đồng nhân dân giao.

- Điều hành chi ngân sách nhà nước đảm bảo chặt chẽ, đúng chế độ quy định, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả; chủ động điều hành ngân sách phù hợp với tiến độ thu ngân sách; triệt để tiết kiệm các khoản chi tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết để dành nguồn lực cho các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm, dự phòng cho các trường hợp đột xuất cấp bách.

- Tăng cường công tác quản lý đầu tư công; huy động đóng góp nhân dân thực hiện CTMT đảm bảo đúng Luật dân chủ ở cơ sở đảm bảo công khai minh bạch đúng quy định.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

- Ban hành Quyết định giao nhiệm vụ thu, chi cụ thể cho các tổ chức, cá nhân thực hiện.

- Đối với các nhiệm vụ chi đột xuất, chi phát sinh ngoài kế hoạch được sử dụng từ nguồn dự phòng, nguồn tăng thu hàng năm, các công trình đầu tư xây dựng sử dụng ngân sách xã (trên 10 triệu đồng), chi thường xuyên (trên 3 triệu đồng) Ủy ban nhân dân phải báo cáo xin ý kiến Thường trực HĐND để thống nhất thực hiện và báo cáo HĐND xã tại kỳ họp gần nhất.

- Giao Ủy ban nhân dân xã quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án sử dụng nguồn vốn ngoài kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 (thời gian thực hiện kể từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024), triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm; Ủy ban nhân dân xã báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân thống nhất bằng văn bản trước khi phân bổ vốn cho các công trình này và báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã gần nhất.

2. Trong quá trình điều hành ngân sách, trường hợp có tăng thu và tiết kiệm chi ngân sách; trên cơ sở thực tiễn điều hành ngân sách của năm, Ủy ban nhân dân xã báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân xã quyết định bổ sung dự toán và phân bổ, sử dụng số tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Thạch Bình khóa XXI thông qua tại kỳ họp thứ 10, ngày 04/01/2024./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND Thành phố;
- UBND Thành phố;
- TT Đảng ủy, TT HĐND xã;
- Kho bạc nhà nước Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND xã khóa XXI;
- MTTQ, các ban, ngành, đoàn thể cấp xã;
- Lưu VT- HĐND, UBND.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Huy Nam

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ THẠCH BÌNH



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2024

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung thu	Tỷ lệ điều tiết			Tổng cộng	KH HỘND TP Giao			Tổng cộng	KH HỘND Xã Giao		
		Tỉnh	TP	xã		NS TW, Tỉnh, quỹ đất	NS TP	NS xã		NS TW, Tỉnh, quỹ đất	NS TP	NS xã
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I	Thu theo chỉ tiêu KH				44,287	610	42,835	842	44,287	610	42,835	842
1	Ngoài quốc doanh				430	-	219	211	430	-	219	211
1.1	GTGT & TNDN				430	-	219	211	430	-	219	211
**	Hộ cá thể (70%)				250	-	75	175	250	-	75	175
-	GTGT Xã Thu hộ cá thể		30%	70%	170		51	119	170		51	119
-	Thuế XD nhà ở tư nhân		30%	70%	80		24	56	80		24	56
**	Doanh nghiệp (20%)				180	-	144	36	180	-	144	36
-	GTGT DN trên địa bàn Phường	60%	40%									
-	Thuế VAT- TNDN		80%	20%	180		144	36	180		144	36
2	Thuế sử dụng đất phi NN			100%	280			280	280			280
3	Phí, lệ phí				32			32	32			32
3.1	Lệ phí theo phân cấp				10			10	10			10
-	Xã Thu			100%	10			10	10			10
3.2	Lệ phí môn bài DN NQD				22			22	22			22
	Xã thu: Hộ cá thể			100%	22			22	22			22
4	Lệ phí trước bạ				230		46	184	230		46	184
-	Phường xã, thu		20%	80%	230		46	184	230		46	184
5	Thu khác NS				15			15	15			15
-	Thu khác phường xã			100%	15			15	15			15
6	Thuế TN cá nhân	50%	50%		900	450	450	-	900	450	450	-
7	Tiền thuê đất (3601)	40%	30%	30%	400	160	120	120	400	160	120	120
8	Thuế quốc doanh	100%				-	-	-		-	-	-

8	Tiền sử dụng đất - vùng hạ tầng do TP làm chủ đầu tư	0%	100%	0%	42,000	-	42,000	-	42,000	-	42,000	-
9	Tiền đất từ các vùng hạ tầng, xem dẫn khác (1401)	10%	80%	10%								
II	Thu đóng góp	100%										
III	Thu bổ sung từ NS cấp trên			100%	5,170			5,170	5,170			5,170
1	Thu BS có mục tiêu											
2	Thu BS cân đối NS			100%	5,170			5,170	5,170			5,170
	Tổng cộng				49,457	610	42,835	6,012	49,457	610	42,835	6,012

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ THẠCH BÌNH

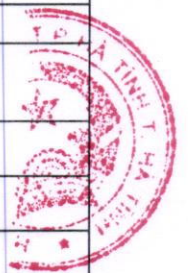
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	KH Thành phố giao	KH xã giao	Ghi chú
	Tổng chi ngân sách	6,012,000,000	6,012,000,000	
I	Chi đầu tư phát triển	0	0	
II	Chi thường xuyên	5,872,000,000	5,872,000,000	
1	Chi sự nghiệp Quốc phòng	295,000,000	295,000,000	
-	Phụ cấp quốc phòng		80,000,000	
-	Trợ cấp ngày công, tiền ăn huấn luyện		165,000,000	
-	Hoạt động quốc phòng khác (tuyển giao quân, tổng kết...)		50,000,000	
2	Chi sự nghiệp an ninh:	60,000,000	60,000,000	
	Hoạt động an ninh		60,000,000	
3	Chi VH TT, phát thanh truyền hình	115,000,000	115,000,000	
-	Kinh phí hoạt động cụm khu dân cư		30,000,000	
-	Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, ĐTVM		20,000,000	
-	Tuyên truyền tiếng nói từ cơ sở		6,000,000	
-	Đài phát thanh xã		20,000,000	
-	Chi hoạt động văn hóa khác		39,000,000	
4	Chi sự nghiệp thể thao	50,000,000	50,000,000	
-	Chi tổ chức và tham gia các giải thể thao		50,000,000	
5	Sự nghiệp xã hội	241,000,000	241,000,000	
-	Hưu xã (Bao gồm cả BHYT)		186,000,000	
-	Hỗ trợ người được phân công giúp đỡ người được áp dụng biện pháp giáo dục	5,000,000	5,000,000	
-	Chi hoạt động khác		50,000,000	
6	Chi sự nghiệp môi trường	100,500,000	100,500,000	
7	Sự nghiệp kinh tế	253,000,000	253,000,000	
-	Chi xây dựng cảnh quan NTM		100,000,000	
-	Chi hoạt động giao thông thủy lợi		80,000,000	
-	Chi hoạt động trật tự đô thị		30,000,000	
-	Chi hoạt động địa chính, nông nghiệp		43,000,000	
8	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể, Mặt trận	4,714,500,000	4,714,500,000	
8.1	Khôi UBND		2,652,334,800	
-	Lương, phụ cấp, các khoản đóng góp		1,256,700,000	
-	Lương hợp đồng VP 3604		80,352,000	
-	Bán chuyên trách UBND		97,200,000	
-	Hợp đồng UBND		42,000,000	
-	Phụ cấp thôn trưởng		233,280,000	

-	Y tế thôn bản		38,880,000
-	Phụ cấp thôn đội trưởng		64,800,000
-	Phụ cấp công an viên		64,800,000
-	Phụ cấp công nghệ thông tin		2,160,000
-	Trợ cấp TNXP		12,960,000
-	Hỗ trợ những người tham gia nhiệm vụ ở thôn		311,040,000
-	Phụ cấp kiểm soát văn bản đầu mối		7,200,000
-	Hoạt động dân số, y tế		5,000,000
-	Hoạt động thanh tra nhân dân		5,000,000
-	Tuyên truyền Phổ biến giáo dục pháp luật		5,000,000
-	Hỗ trợ hoạt động hòa giải cơ sở		5,000,000
-	Tiếp nhận đơn thư, giải quyết KNTC		8,000,000
-	Bồi dưỡng bộ phận một cửa		12,000,000
-	Chi công tác Cải cách hành chính		10,000,000
-	Phụ cấp chuyên trách CT MTQG		5,000,000
-	Đồ mực, sửa chữa trang thiết bị tin học		40,000,000
-	Chi phí điện, nước, mạng internet		70,000,000
-	Chi mua sắm tài sản, công cụ dụng cụ		30,000,000
-	Văn phòng phẩm, photo tài liệu		40,000,000
-	Chi mua vật tư rẻ phục vụ công tác tạp vụ UBND		25,000,000
-	Chi sửa chữa nhỏ		80,000,000
-	Chi kinh phí khoán		70,000,000
-	Hỗ trợ Thôn tiên nước tổ chức hội họp, lễ, tết...		6,000,000
-	Chi hoạt động khác UBND (khen thưởng, tổng kết,)		24,962,800
8.2	Hội đồng nhân dân		245,280,000
-	Phụ cấp đại biểu HĐND		149,040,000
-	Phụ cấp trách nhiệm HĐND		19,440,000
-	Các chế độ khoán theo NQ 82		36,800,000
-	Kinh phí tổ chức các kỳ họp và các hoạt động khác		40,000,000
8.3	Đảng ủy		791,020,000
-	Lương, phụ cấp, các khoản đóng góp		250,400,000
-	Phụ cấp Đảng ủy viên		97,200,000
-	Phụ cấp UBKT đảng ủy		21,600,000
-	Phụ cấp Bán chuyên trách		51,840,000
-	Phụ cấp bí thư chi bộ		233,280,000
-	Hoạt động Đảng bộ cơ sở		85,000,000
-	Kinh phí hoạt động thường xuyên		51,700,000
	<i>Viết lịch sử Đảng bộ địa phương</i>		<i>20,000,000</i>
	<i>Chi kinh phí khoán</i>		<i>31,700,000</i>
8.4	Đoàn Thanh niên		158,180,000
-	Lương, phụ cấp, các khoản đóng góp		93,660,000
-	Phụ cấp Bán chuyên trách		25,920,000
-	Chi hoạt động thường xuyên		38,600,000
	<i>Chi kinh phí khoán</i>		<i>13,600,000</i>
	<i>Hoạt động TX khác (Đại hội LHTN, sửa chữa nhỏ, phong trào hội...)</i>		<i>25,000,000</i>
8.5	Hội phụ nữ		143,180,000
-	Lương, phụ cấp, các khoản đóng góp		93,660,000
-	Phụ cấp Bán chuyên trách		25,920,000

-	Chi hoạt động thường xuyên		23,600,000	
	<i>Chi kinh phí khoán</i>		13,600,000	
	<i>Hoạt động TX khác (sữa chữa nhỏ, phong trào hội...)</i>		10,000,000	
8.6	Hội Nông dân		132,220,000	
-	Lương, phụ cấp, các khoản đóng góp		82,700,000	
-	Phụ cấp Bán chuyên trách		25,920,000	
-	Chi hoạt động thường xuyên		23,600,000	
	<i>Chi kinh phí khoán</i>		13,600,000	
	<i>Hoạt động TX khác (sữa chữa nhỏ, phong trào hội...)</i>		10,000,000	
8.7	Hội Cựu chiến binh		153,180,000	
-	Lương, phụ cấp, các khoản đóng góp		93,660,000	
-	Phụ cấp Bán chuyên trách		25,920,000	
-	Chi hoạt động thường xuyên		33,600,000	
	<i>Chi kinh phí khoán</i>		13,600,000	
	<i>Hoạt động TX khác (Đại hội thi đua yêu nước, sữa chữa nhỏ, phong trào hội...)</i>		20,000,000	
8.8	Ủy ban mặt trận TQ		334,745,200	
-	Lương, phụ cấp, các khoản đóng góp		133,585,200	
-	Phụ cấp Bán chuyên trách		25,920,000	
-	Phụ cấp trưởng ban CTMT thôn		116,640,000	
-	Hoạt động Giám sát cộng đồng		5,000,000	
-	Chi hoạt động thường xuyên		53,600,000	
	<i>Chi kinh phí khoán</i>		13,600,000	
	<i>Hoạt động TX khác (Đại hội, sữa chữa nhỏ, phong trào hội...)</i>		40,000,000	
8.9	Chi hoạt động tổ chức khác		104,360,000	
	Hoạt động công đoàn		30,000,000	
	Hoạt động hội người cao tuổi		4,000,000	
	Phụ cấp CT NCT		22,680,000	
	Hoạt động Hội Cựu giáo chức (đại hội, hoạt động)		10,000,000	
	Hoạt động hội TNXP hoạt động		2,000,000	
	Hoạt động Hội Chữ thập đỏ + BTXH		3,000,000	
	Phụ cấp CT hội CTĐ-BTXH		22,680,000	
	Hoạt động Hội Khuyến học (đại hội, hoạt động)		10,000,000	
9	Chi khác ngân sách	43,000,000	43,000,000	
III	Chi dự phòng	140,000,000	140,000,000	



0
0



0